

Bản án số: 51/2025/HSPT
Ngày: 14 - 01 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tân Long

Các thẩm phán: ông Phạm Văn Hợp
bà Trần Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Ngọc Gia Linh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 487/2024/TLPT-HS ngày 03 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo **Phạm Ngọc Đ** và **Phạm Duy T** về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2024/HSST ngày 02-8-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2504/2024/QĐXXPT-HS ngày 25 tháng 12 năm 2024.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Phạm Ngọc Đ**, (Cu E), sinh ngày: 10-12-1999, tại Quảng Trị.

Nơi cư trú: **thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: **Phạm Duy T1**, sinh năm: 1970 (chết) và con bà: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1971, hiện trú tại: **thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; bị cáo chưa có vợ con; không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09-01-2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Q**; có mặt.

2. **Phạm Duy T**; sinh ngày: 02-9-1997 tại Quảng Trị.

Nơi cư trú: **thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: **Phạm Duy T1**, sinh năm: 1970 (chết) và con bà: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1971, hiện trú tại: **thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; bị cáo chưa có vợ, con; không có

tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09-01-2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc Đ: Luật sư Lê Anh D - Văn phòng L; địa chỉ: Số B H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Duy T: Luật sư Lê Hoàng V - Văn phòng Luật sư Bùi Quang S; địa chỉ: Số B B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo T và bị cáo Đ theo yêu cầu: Luật sư Thái Quốc V1 – Công ty L1, Đoàn luật sư thành phố Đ1; địa chỉ: Số C C, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 09 giờ 10 phút ngày 09/01/2024, tại Km1+H đường Đ, Khu phố C, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, Công an huyện C, tỉnh Quảng Trị tiến hành bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Ngọc Đ và Phạm Duy T về hành vi “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Phạm Duy T và Phạm Ngọc Đ là hai anh em ruột, sinh sống cùng mẹ là bà Nguyễn Thị H ở thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Khoảng 15 ngày trước khi bị bắt quả tang, Đ đưa cho T 500.000 đồng, yêu cầu T mua 02 ba lô để chuẩn bị cho việc vận chuyển ma túy khi có người thuê. T đến chợ K mua 02 ba lô đưa về cất ở nhà. Khoảng 19 giờ ngày 08/01/2024, Đ nhận tin nhắn và cuộc gọi qua ứng dụng Telegram của người đàn ông tên C (ở cùng thôn) đến tài khoản tên “Cò Đ 2” của Đ, yêu cầu Đ nhận sim điện thoại để liên lạc nhận ma túy. Đ đồng ý. Theo hướng dẫn của C, Đ đi đến bờ kè đường xuống đập Thủy điện R thì thấy 01 sim điện thoại kèm số tiền 5.000.000 đồng, đã được để sẵn ở cạnh một cục đá tại khu vực này. Đ lấy tiền và thẻ sim sau đó lắp sim vào máy điện thoại nhãn hiệu Redmi note10 pro của Đ rồi đi về nhà. Đến nhà, Đ đưa cho T 2.500.000 đồng nhờ nộp vào tài khoản ngân hàng của Đ và nói cho T biết việc Đ được người khác thuê vận chuyển ma túy và việc C cho Đ 5.000.000 đồng chi phí đi đường. Sau đó, T đến quán tạp hóa “Hoa Lùn”, ở xã T, huyện H, đưa số tiền 2.500.000đ cho chị Lý Thị Phương N và nhờ chị N chuyển vào tài khoản số 103875513992 của T mở tại Ngân hàng V2 (chị N không biết mục đích chuyển tiền của T).

Nhận được tiền vào tài khoản, Trung chuyển số tiền này từ tài khoản của mình đến tài khoản số 6868610126666 của Đ mở tại Ngân hàng M1. Sau đó, Đ chuyển khoản số tiền 1.000.000 đồng từ tài khoản của Đ vào tài khoản số 0377800545 của Nguyễn Xuân C mở tại Ngân hàng M1 cho C mượn. Khoảng 22 giờ cùng ngày, một người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể) gọi điện đến sim mà Đ vừa nhận nêu trên, thông báo cho Đ biết khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, ma túy sẽ được đưa đến ngã ba T, thuộc xã T, huyện H, yêu cầu Đ đến nhận. Đ đồng ý và nói cho người này biết hiện Đ không có tiền để đi đường nên người này nói sẽ đưa cho Đ 5.000.000 đồng. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, Đ sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 74H-6969 (xe của bố Đ), đi đến đoạn

Quốc lộ I, khu vực dốc Làng V, thuộc xã T, huyện H thì thấy một xe mô tô hai bánh (không rõ biển kiểm soát) đang đi hướng ngược lại. Trên xe có 02 người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ) trong đó Đ xác định có một người đã liên lạc hẹn Đ trước đó. Hai người đàn ông này hướng dẫn Đ đến rãnh thoát nước bên đường, cạnh một biển báo giao thông ở khu vực dốc Làng V để nhận ma túy và hứa sẽ trả công cho Đ số tiền 120.000.000 đồng sau khi hoàn thành việc vận chuyển. Theo hướng dẫn, Đ đến địa điểm trên lấy 01 túi nilon màu đen, bên trong có ma túy rồi đưa đến cất giấu ở một ngôi nhà bỏ hoang tại khu vực K đường H nhánh T, thuộc khóm A, thị trấn K, huyện H.

Sau khi cất giấu ma túy, Đ quay về nhà lấy 02 chiếc ba lô (Đ nhờ T mua trước đó) và 01 cây dao rồi quay lại địa điểm cất giấu ma túy, dùng dao mở túi nilon màu đen thấy bên trong có 15 gói màu vàng, 05 gói màu đỏ và 10 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng. Sau đó, Đ tháo sim điện thoại đã dùng để liên lạc nhận ma túy nêu trên, vứt bỏ ở khu vực nhà hoang cùng túi nilon màu đen đựng ma túy. Lúc này, Đ nhận được tin nhắn từ một tài khoản Telegram có 3 số cuối là “246” bảo Đ chia 10 gói ma túy màu vàng bỏ vào 01 ba lô; 03 gói ma túy màu vàng và 02 gói ma túy màu đỏ bỏ riêng; 02 gói ma túy màu vàng và 03 gói màu đỏ bỏ riêng. Đ chia ma túy theo hướng dẫn rồi bỏ vào 02 ba lô mang theo, cụ thể: Đ để 10 gói màu vàng vào ba lô màu đen; 03 gói màu vàng, 02 gói màu đỏ vào 01 túi ni lông màu xanh và bỏ túi ni lông màu xanh này cùng với 02 gói màu vàng, 03 gói màu đỏ vào ba lô màu xanh đen. Tiếp đến, Đ nhắn tin qua ứng dụng messenger từ tài khoản của Đ, tên “Cò Đạt” đến tài khoản của T, tên “Gác Cổng Địa Ngục”, rủ T cùng đi vận chuyển ma túy. T đồng ý và nhắn Đ về nhà rồi bàn. Sau đó, Đ nhắn tin qua ứng dụng Telegram cho C bảo C đến đón. Khoảng 5 phút sau, C đến ngôi nhà hoang chờ Đ cùng 02 ba lô đựng số ma túy trên về nhà Đ. Trên đường đi, C bảo Đ về lấy 03 gói ma túy màu vàng và 02 gói ma túy màu đỏ đưa ra bờ kè phía sau nhà Đ để người khác đến nhận.

Khi về đến nhà, Đ mở ba lô màu xanh đen lấy túi ni lông màu xanh bên trong đựng 03 gói ma túy màu vàng và 02 gói ma túy màu đỏ ra thì nhận được tin nhắn từ ứng dụng Telegram của tài khoản “trang mobi” bảo Đ “nhận 05 cái” tức là 05 gói ma túy. Đ hiểu ý người này bảo Đ nhận vận chuyển luôn cả 05 gói ma túy mà C vừa bảo đưa ra bờ kè phía sau nhà nên Đ bỏ túi ni lông màu xanh bên trong có 05 gói ma túy vừa lấy ra vào lại ba lô màu xanh đen và đi vào nhà. Do sợ bị mẹ phát hiện nên Đ nhắn tin cho T mở cửa sổ, Đ giao 02 ba lô qua cửa sổ cho T, rồi Đ trèo qua cửa sổ vào nhà. Đ cùng T đưa 02 ba lô đựng ma túy cất ở kho trong nhà. Đ bảo T đi tìm thêm 01 ba lô để cất giấu ma túy. T tìm trong nhà lấy 01 ba lô màu đỏ đen đưa cho Đ và đi lấy áo quần cũ rồi quay trở lại vị trí Đ đang ngồi. Đ lấy túi ni lông màu xanh (bên trong có 03 gói ma túy màu vàng và 02 gói ma túy màu đỏ) trong ba lô màu xanh đen đưa cho T để T bỏ vào ba lô màu đỏ đen. T tiếp tục lấy ba lô màu đỏ - đen bỏ vào trong ba lô xanh - đen và lấy áo quần cũ bỏ lên trên để che giấu ma túy. Sau đó, Đ cùng T xách 02 ba lô bỏ vào trong kho và thống nhất cùng nhau vận chuyển ma túy vào thành phố Hồ Chí Minh.

Đ nhắn tin cho C chuyển tiền để đặt vé tàu thì C chuyển 2.500.000đồng qua tài khoản Ngân hàng M1 (có số tài khoản 0377800545) cho Đ. Đ sử dụng tiền

này chuyển khoản qua ứng dụng MOMO đặt 02 vé tàu SE1 với số căn cước công dân của 02 anh em **Phạm Duy T** và **Phạm Ngọc Đ** chuyển **Đ** đi **Thành phố Hồ Chí Minh** (thời gian đi 09h50 ngày 09/01/2024). Sau đó, **Đ** và **T** ngồi chơi game đến sáng. Đến khoảng 08h00 ngày 09/01/2024, **T** và **Đ** xách 02 ba lô bên trong đựng ma túy đón xe khách đi về **thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**. Khi đến khu vực km1+840 **đường Đ, thuộc Khu phố C, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**; **Đ** và **T** xuống xe. **Đ** mang ba lô màu xanh đen, **T** mang ba lô màu đen (bên trong đều đựng ma túy), cả hai đi bộ được khoảng 3m thì bị lực lượng Công an bắt người phạm tội quả tang và tạm giữ toàn bộ số ma túy như đã nêu trên.

- Bản kết luận giám định số: 185/KL-KTHS, ngày 16/01/2024 của **Phòng K1 Công an tỉnh Q** kết luận:

+ Mẫu 10 (mười) khối chất rắn màu trắng, dạng tinh thể (được đóng gói trong 10 túi nilon trong suốt, đánh số thứ tự từ 1T đến 10T được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu QT1) gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine. Khối lượng mẫu là 9966,33g.

+ Mẫu 05 (năm) khối chất rắn màu trắng, dạng tinh thể (được đóng gói trong 5 túi nilon trong suốt, đánh số thứ tự từ 1BT đến 5BT được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu QĐ1) gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine. Khối lượng mẫu là 5002,03g.

+ Mẫu 05 (năm) khối chất rắn màu trắng, dạng tinh thể (được đóng gói trong 5 túi nilon trong suốt, đánh số thứ tự từ 6BT đến 10BT được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu QĐ3) gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine. Khối lượng mẫu là 4993,17g.

- Bản Kết luận giám định số: 235/KL-KTHS, ngày 26/01/2024 của **Phòng K1 Công an tỉnh Q**, kết luận:

+ 05 dấu vết đường vân (ký hiệu: A1; A2; A3; A4; A5) phát hiện trên bề mặt các mẫu vật gửi đến giám định không trùng với đường vân in trên 02 chỉ bản mẫu so sánh.

+ Dấu vết đường vân (ký hiệu A6) phát hiện trên bề mặt túi nilon trong suốt (đánh số thứ tự 9) với đường vân in ở ô trống phải trên chỉ bản ghi tên **Phạm Ngọc Đ** (sinh ngày 10/12/1999), nơi cư trú: **L, T, H, Quảng Trị**) là đường vân của cùng một người in ra.

+ Dấu vết đường vân (ký hiệu A7) phát hiện trên túi nilon màu vàng có dòng chữ GUANYINWANG (đánh số thứ tự: 7) với đường vân in ở ô nhẵn trái trên chỉ bản ghi tên **Phạm Ngọc Đ** (sinh ngày: 10/12/1999), nơi cư trú: **L, T, H, Quảng Trị**) là đường vân của cùng một người in ra.

- Bản Kết luận giám định dữ liệu điện tử số: 429/KL-KTHS, ngày 28/3/2024 của **Phòng K1 Công an tỉnh Q**, kết luận: Đĩa DVD-R bên trong có lưu trữ 03 tập tin video có tên “video a Binh.mp4”; “video a minh.mp4”; “video **H1**.mp4”.

+ Tập tin video có tên “video a Binh.mp4”, dung lượng 84.6 MB, thời lượng 10 phút 25 giây: Không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa.

+ Tập tin video có tên “video a minh.mp4”, dung lượng 29.6 MB, thời lượng 05 phút 06 giây: Không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa.

+ Tập tin video có tên “video **H1**.mp4”, dung lượng 7.69 MB, thời lượng

47 giây: Không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2024/HSST ngày 02-8-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Phạm Ngọc Đ**, **Phạm Duy T** phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 40 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Bị cáo **Phạm Ngọc Đ**: Tử hình về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”

- Bị cáo **Phạm Duy T**: Tử hình về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 08 - 8 - 2024 bị cáo **Phạm Ngọc Đ** kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt; nêu lý do kháng cáo là do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân là lần đầu tiên vi phạm pháp luật, không ý thức được hết hậu quả việc làm của mình; gia đình có 02 anh em là **Đ** và **T** nhưng đều bị hình phạt tử hình.

Ngày 09-8-2024 bị cáo **Phạm Văn T2** kháng cáo xin được xin nhẹ hình phạt; nêu lý do kháng cáo là do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân là lần đầu tiên vi phạm pháp luật, không ý thức được hết hậu quả việc làm của mình; gia đình chỉ có 02 anh em là **Đ** và **T2** nhưng đều bị hình phạt tử hình trong vụ án.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị cáo **Phạm Ngọc Đ** xin rút đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét đối với kháng cáo của **Phạm Duy T**, vì **T** chỉ tham gia giúp sức cho bị cáo. Những người bào chữa cho bị cáo **Đ** không có ý kiến gì đối với việc rút kháng cáo, đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo **Đ**.

Bị cáo **Phạm Duy T** giữ nguyên kháng cáo xin không áp dụng hình phạt tử hình. Bị cáo và những người bào chữa cho bị cáo trình bày: bị cáo **T** không chủ động trong việc vận chuyển ma túy mà chỉ phụ giúp sức cho **Đ**, làm việc theo sự sắp xếp của **Đ**. **T** chỉ mới tham gia vào giai đoạn cuối của việc vận chuyển ma túy. Bị cáo tham gia với vai trò thứ yếu, chỉ suy nghĩ là giúp đỡ cho em của mình; từ trước đến nay bị cáo **T** chưa có vi phạm pháp luật lần nào, nay là lần đầu tiên nên nhận thức không hết về hậu quả. Trong cuộc sống, **T** cũng thường hay giúp người khác, như có lần cứu giúp một người bị tai nạn giao thông kịp thời. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, **C1** chết sớm, chỉ còn **M** và 02 anh em, nay cả hai đều bị phạt tử hình trong vụ án. Tại giai đoạn phúc thẩm, mẹ của bị cáo là bà **Nguyễn Thị H** cung cấp **Huân C2** kháng chiến hạng Nhì và Kỷ niệm chương chiến sỹ bị địch bắt tù, đầy của cụ **Lê Thị T3** (bà ngoại), là tình tiết mới thể hiện gia đình có công cách mạng. Xin được giảm từ hình phạt tử hình xuống hình phạt tù.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về xét kháng cáo thì đối với bị cáo **Phạm Ngọc Đ**, tại phiên toà phúc thẩm bị cáo đã tự nguyện rút đơn kháng cáo, nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm. Đối với kháng cáo của **Phạm Duy T**, mặc dù tại phiên toà phúc thẩm gia đình bị cáo

cung cấp chứng cứ thể hiện có thân nhân gia đình có công cách mạng; tuy nhiên do bị cáo tham gia vận chuyển số lượng ma túy quá lớn nên không chấp nhận kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Ngày 09-01-2024, **Phạm Ngọc Đ** và **Phạm Duy T** đã có hành vi vận chuyển 19.961,53g ma túy loại Methamphetamine từ **huyện H, tỉnh Quảng Trị vào thành phố Hồ Chí Minh** giao cho người khác để nhận tiền công 120.000.000 đồng và bị **Công an huyện C, tỉnh Quảng Trị** bắt người phạm tội quả tang tại Km1+840 **đường Đ, Khu phố C, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**. Kết luận giám định là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 19.961,53g (Bị cáo **Đ** trực tiếp vận chuyển 9966,33g; bị cáo **Trung trực T4** vận chuyển 9995,2g). Bản án hình sự sơ thẩm đã quyết định các bị cáo **Phạm Ngọc Đ, Phạm Duy T** đã phạm tội: “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Đối với kháng cáo của **Phạm Ngọc Đ**:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Đ** xin rút kháng cáo; xét thấy việc rút kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 342, Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự để đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo **Phạm Duy T**:

Xét đây là vụ án đồng phạm, trong đó bị cáo **Đ** là người trực tiếp liên hệ, sắp xếp việc vận chuyển ma túy, rồi rủ rê **T** tham gia giúp sức để thực hiện việc vận chuyển. Sau đó, cả **Đ** và **Trung trực T4** cùng vận chuyển ma túy để lấy tiền công và bị bắt quả tang ngày 09-01-2024.

Bị cáo **T** không có tình tiết tăng nặng, không có tiền án tiền sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo **Phạm Duy T** quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của phạm tội của mình nên hưởng hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này bị cáo **Phạm Ngọc Đ, Phạm Duy T** là anh em ruột, bố mất sớm, mẹ thường xuyên ốm đau, hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng tính chất và mức độ của vụ án, áp dụng đúng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đã quyết định hình phạt tương xứng với mức độ của hành vi phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **T** có thêm tình tiết mới là gia đình có thân nhân có công cách mạng; đồng thời bị

cáo tham gia với vai trò giúp sức cho bị cáo **Đ**, bị cáo có nhân thân tốt; tuy nhiên do số lượng ma túy bị cáo vận chuyển quá lớn, mức độ gây hậu quả cho xã hội rất nghiêm trọng nếu việc vận chuyển không bị phát hiện. Do đó, để bảo đảm cho việc đấu tranh và phòng ngừa tội phạm về ma túy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Về án phí phúc thẩm bị cáo **Phạm Duy T** phải chịu là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 342, Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo **Phạm Ngọc Đ**; Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2024/HSST ngày 02-8-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo **Phạm Ngọc Đ**.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phạm Duy T**, giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2024/HSST ngày 02-8-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đối với **Phạm Duy T**.

Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 40 Bộ luật Hình sự, xử phạt Bị cáo **Phạm Duy T**: Tử hình về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

3. Căn cứ khoản 4 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo **Phạm Ngọc Đ**, **Phạm Duy T** để đảm bảo thi hành án.

4. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 367 của Bộ luật Tố Tụng hình sự; các bị cáo **Phạm Duy T**, **Phạm Ngọc Đ** có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước để xin ân giảm án tử hình trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

5. Các phần quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

6. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điểm a, g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo **Phạm Ngọc Đ (C)** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo **Phạm Duy T** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT-CA tỉnh Quảng Trị;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Trị;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Tấn Long

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.